TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** Bản án số: 25/2019/HNGĐ - ST Ngày 31/10/2019. (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh–Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn; Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn Ch, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H có mặt, anh Ch vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Giữa chị Hòe và anh Đoàn Văn Ch có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/8/2011 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới chị H và anh Ch về chung sống với nhau tại thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và do anh Chương có quan hệ trai gái không lành mạnh dẫn đến hay cãi vã trong cuộc sống. Do mâu thuẫn nặng nên đến tháng 5/2019 chị Hòe đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Th, huyện N, tỉnh N để sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể

khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn Ch.

Về con chung, theo chị Hòe khai vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Đoàn Gia V sinh ngày 15/6/2013, cháu thứ hai là Đoàn Như Ng sinh ngày 16/11/2016, từ khi vợ chồng ly thân hai con chung ở với anh Ch. Khi ly hôn chị Hòe đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đoàn Như Ng, còn để anh Ch nuôi cháu Đoàn Gia Viễn, không yêu cầu anh Ch đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Toà án giải quyết quan hệ tài sản chung, công nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Ch vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Người làm chứng là ông Đoàn Văn C là bố đẻ anh Ch cũng có lời khai xác định việc kết hôn của anh Ch và chị H đúng như chị H trình bày nêu trên. Sau khi cưới hai vợ chồng về chung sống với ông C ở thôn 5, xã G, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian dài đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể ông không rõ, chỉ biết là năm 2017 do làm ăn thua lỗ nên anh Ch có bỏ đi biệt tích mãi đến giữa năm 2018 trở về thì thấy hai vợ chồng hay cãi vã, thường xuyên to tiếng dẫn đến chị H làm đơn xin ly hôn. Ông C cũng thừa nhận anh C vẫn đi làm tự do gần nhà, và có thu nhập khá ổn định.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58. 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn Ch; về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Như Ng sinh ngày 16/11/2016, giao cho anh Đoàn Văn Ch được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Gia V sinh ngày 15/6/2013; chị H phải nộp án phí theo luật định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đoàn Văn Ch có địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Văn Ch là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của chị H, của người làm chứng cũng như sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị H và anh Ch sống chung là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và do vợ chồng làm ăn thua lỗ. Bản thân anh Ch không có mặt tại Tòa án để làm việc trong khi anh Ch vẫn đang sinh sống, làm việc tại thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án đến tận nơi tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó cũng chứng tỏ anh Ch cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Văn Ch đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn Ch là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của chị Hòe có xác nhận của chính quyền địa phương nên Toà án xác định chị H và anh Ch có 02 con chung, cháu lớn tên là Đoàn Gia V sinh ngày 15/6/2013, cháu thứ hai là Đoàn Như Ng sinh ngày 16/11/2016, từ khi vợ chồng ly thân hai con chung ở với anh Ch. Xét cả chị H và anh Ch đều có đủ khả năng nuôi con nên việc chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đoàn Như Ng, còn để anh Ch tiếp tục nuôi cháu Đoàn Gia V là hợp lý cần chấp nhận. Việc cấp dương nuôi con do chị H, anh Ch không ai có yêu cầu nên không buộc chị H và anh Ch phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là thỏa đáng

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung và anh Ch không có yêu cầu giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273

Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn vắng mặt anh Đoàn Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Như Ng sinh ngày 16/11/2016 kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi; giao cho anh Đoàn Văn Ch được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Gia V sinh ngày 15/6/2013 cho đến khi cháu Viễn đủ 18 tuổi. Chị H và anh Ch không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001231 ngày 16/5/2019.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC